**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Y KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**THÔNG TƯ SỐ 13/2019/TT-BGTVT NGÀY 29/3/2019 VÀ THÔNG TƯ SỐ 41/2020/TT-BGTVT NGÀY 31/12/2020**

*(kèm theo văn bản số CHK-ANHK ngày tháng 8 năm 2023)*

Sau khi nghiên cứu ý kiến góp ý đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT (Thông tư số 13) của các cơ quan, đơn vị liên quan, Cục Hàng không Việt Nam tiếp thu, giải trình như sau:

| **STT** | **Cơ quan, đơn vị góp ý** | **Nội dung góp ý** | **Tiếp thu, giải trình của Cục HKVN** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Vụ Quản lý Doanh nghiệp  (Văn bản số 242/QLDN ngày 06/7/2023) | |  |
|  | Đề nghị Quý Vụ nghiên cứu làm rõ nội dung: *“nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác”* được sửa đổi các Điều 5, 17, 18, 20, 21, 23, 24, 98 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019. Bời vì thực tế hiện nay có 03 hình thức chính: Nộp trực tiếp, nộp qua đường bưu chính, nộp online. Đối với dịch vụ trực tuyến online có rất nhiều phần mềm ứng dụng: email, tin nhắn SMS, Viber, FB, Zalo… Đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể cho một số phầm mền tin cậy và có địa chỉ rõ ràng thuận tiện cho quá trình nộp hồ sơ. | | **Giải trình:** Căn cứ khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, các giấy tờ thực hiện số hóa thủ tục hành chính được nộp theo một trong các hình thức sau: *bản chính; bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc; bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính; bản chụp điện tử có bản chính để đối chiếu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính*. Theo ý kiến của Văn phòng Bộ GTVT trong cuộc họp ngày 27/7/2023 tại Bộ GTVT, do Vụ Vận tải chủ trì, cơ quan soạn thảo nhất trí tiếp thu như sau: *“nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bản sao điện tử* ***có giá trị pháp lý theo quy định****”* đối với nội dung liên quan ở tất cả các điều có quy đinh về TTHC. |
| 2 | Vụ Tổ chức cán bộ  (Văn bản không số ngày 07/7/2023) | |  |
|  | Dự thảo Thông tư chủ yếu sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT, trong đó có một số điều đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh lý dự thảo Thông tư theo hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT và bãi bỏ các khoản trong Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT mà sẽ được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Thông tư này. | | **Giải trình:**  Cách trình bày như dự thảo là cách trình bày hợp lý và phổ biến.  Ví dụ chứng minh: Nghị định số 128/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [38/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-38-2021-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-van-hoa-quang-cao-469165.aspx) ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số [129/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/so-huu-tri-tue/nghi-dinh-129-2021-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-du-lich-482326.aspx) ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo |
| 3 | Thanh tra Bộ  (Văn bản số 896/TTr-PCN ngày 18/7/2023) | |  |
| 3.1 | Đề nghị làm rõ việc xử lý 01 bộ hồ sơ cấp cho nhiều thẻ/giấy phép kiểm soát an ninh hàng không là 01 thủ tục hành chính, hay việc xử lý cấp 01 thẻ/giấy phép kiểm soát an ninh hàng không là 01 thủ tục hành chính?; từ đó bổ sung quy định để hướng dẫn rõ nội dung này | | ***Giải trình:***  Cơ quan soạn thảo nhất trí quan điểm, cần làm rõ thủ tục hành chính như ý kiến Thanh tra Bộ.  Tuy nhiên, việc xác định *hồ sơ cấp cho nhiều thẻ/giấy phép kiểm soát an ninh hàng không là 01 thủ tục hành chính, hay việc xử lý cấp 01 thẻ/giấy phép kiểm soát an ninh hàng không là 01 thủ tục hành chính* khá phức tạp, liên quan đến nhiều quy định (phí, lệ phí, cải cách TTHC, …),  Do đó, **cơ quan soạn thảo** đề nghị thống nhất nội dung này trong văn bản quy định về TTHC của Bộ GTVT. |
| 3.2 | Tại Khoản 1 Điều 5 đề nghị điều chỉnh nội dung dự thảo (*hồ sơ bằng tiếng Việt đối với doanh nghiệp Việt Nam, hồ sơ bằng tiếng Anh đối với hãng hàng không nước ngoài*) thành (***(hồ sơ bằng tiếng Việt đối với doanh nghiệp Việt Nam; hồ sơ bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Anh - Việt đối với hãng hàng không nước ngoài).*** | | ***Giải trình:***  (1) Nội dung đề nghị của TT Bộ GTVT không nằm trong phạm vi sửa đổi, bổ sung TT theo chỉ đạo của Bộ GTVT.  (2) Tại Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã quy định như ý kiến của TT Bộ GTVT. Tuy nhiên, để giảm thành phần hồ sơ TTHC nên Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT đã sửa đổi, giảm thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận chương trình ANHK của hãng hàng không nước ngoài. |
| 3.3 | Đề nghị bổ sung quy định về mẫu sổ giao nhận thẻ, giấy phép kiểm soát ANHK. Đối với sổ giao nhận thẻ, giấy phép kiểm soát ANHK ngắn hạn thì phải thể hiện thời gian nhận hồ sơ và thời gian trả thẻ, giấy phép | | ***Giải trình:***  **Cơ quan soạn thảo tiếp thu** nhưng đề nghị được đưa mẫu sổ giao nhận thẻ KS ANHK vào văn bản hướng dẫn của Cục HKVN. |
| 3.4 | Đề nghị sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục cấp thẻ, giấy phép kiểm soát ANHK có giá trị sử dụng ngắn hạn đảm bảo phù hợp với thực tế. | | ***Giải trình:***  Trên thực tế, qua thanh tra của TT Bộ GTVT năm 2022, có một số trường hợp thời gian nộp Hồ sơ và thời gian cấp thẻ KS ANHK có giá trị sử dụng ngắn hạn trên 60 phút (quy định việc thẩm định, cấp thẻ hoặc trả lời nếu ko cấp thẻ là trong vòng 60 phút).  Cơ quan soạn thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  “2. Trong thời hạn không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay thẩm định hồ sơ, cấp thẻ *(trừ trường hợp người đề nghị cấp thẻ muốn nhận thẻ ở thời điểm khác)*; trường hợp không cấp thẻ, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.”  ***Lý do:*** Nhiều trường hợp người đề nghị cấp thẻ trang thủ gửi trước nhiều giờ hồ sơ đề nghị cấp thẻ, sau đó đi thực hiện các công tác chuẩn bị khác; đến gần giờ đón, tiễn khách mới quay lại cảng vụ hàng không nhận thẻ. |
| 3.5 | Đề nghị bổ sung quy định về bảo vệ hàng hoá thất lạc, hàng hoá không có người nhận | | ***Giải trình:***  Cơ quan soạn thảo tiếp thu. Tuy nhiên, hiện chưa nghiên cứu được thấu đáo, cũng như chưa tìm được hướng dẫn tương ứng trong tài liệu của ICAO. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị được nghiên cứu thêm, đề xuất nội dung sửa cụ thể ở lần sửa sau. |
| 3.6 | Tại điểm a/2/I/Phụ lục XIV (Đối với hành khách mang quốc tịch nước ngoài làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa): Đề nghị bỏ các loại giấy tờ được sử dụng để đi tàu bay gồm: Giấy phép lái xe ô tô, mô tô; thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng dài hạn; thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam.  Tại điểm b/2/I/Phụ lục XIV (Đối với hành khách mang quốc tịch Việt Nam làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa): Đề nghị bỏ thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam là giấy tờ được sử dụng để đi tàu bay. Vì lý do, thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam không phải là loại giấy tờ do cơ quan Nhà nước cấp | | ***Giải trình:***  Về giảm danh mục giấy tờ đi tàu bay, cơ quan soạn thảo đề nghị được tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và đề xuất sửa sau khi đã nghiên cứu, đánh giá thấu đáo, đề xuất nội dung sửa cụ thể ở lần sửa sau. |
| 4 | Vụ Kết cấu hạ tầng  (Văn bản số 902/KCHT ngày 11/7/2023) | |  |
| 4.1 | Đề nghị trong trường hợp sửa đổi, bổ sung cả Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 và Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 nên tách các điều, khoản sửa đổi bổ sung của mỗi Thông tư trên thành 2 Điều khoản riêng biệt ở Dự thảo Thông tư mới. Để tránh nhầm lẫn khi tra cứu và làm văn bản hợp nhất. | | **Giải trình:**  Cách trình bày như dự thảo là cách trình bày hợp lý và phổ biến.  Ví dụ chứng minh: Nghị định số 128/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [38/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-38-2021-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-van-hoa-quang-cao-469165.aspx) ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số [129/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/so-huu-tri-tue/nghi-dinh-129-2021-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-du-lich-482326.aspx) ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo. |
| 4.2 | Đề nghị xem xét rà soát trường hợp các sửa đổi, bổ sung thủ tục liên quan đến cấp giấy phép an ninh hàng không cho người, phương tiện có phát sinh thủ tục hành chính thì phải bổ sung vào danh mục thủ tục hành chính của Bộ | | **Giải trình:**  Thủ tục liên quan đến cấp giấy phép an ninh hàng không cho người, phương tiện đã có trong danh mục thủ tục hành chính của Bộ GTVT. |
| 4.3 | Đề nghị xem xét, cân đối thời gian hiệu lực của các loại giấy phép an ninh hàng không cho cá nhân, tổ chức phù hợp với thời gian của chương trình đào tạo, huấn luyện hàng năm nhằm đảm bảo sự sẵn sàng và đồng bộ các vị trí nhân viên an ninh trong dây chuyền đảm bảo an ninh tại CHK-SB. | | **Giải trình:**  - Thời hạn huấn luyện định kỳ của nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh soi chiếu, nhân viên an ninh cơ động là một năm một lần;  - Thời hạn hiệu lực năng định giấy phép nhân viên an ninh soi chiếu là một năm;  - Thời hạn hiệu lực năng định giấy phép nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh cơ động là hai năm.  Lý do thời hạn hiệu lực năng định giấy phép nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh cơ động là hai năm, trong khi mỗi năm cần huấn luyện định kỳ 01 lần: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thêm thời gian sử dụng lao động, giảm áp lực thiếu quân số. Mặt khác, theo kinh nghiệm, nhóm nhân viên an ninh soi chiếu cần được kiểm soát chất lượng chuyên môn chặt chẽ hơn (do đó tần xuất năng định ngắn hơn hai nhóm nhân viên còn lại). |
| 5 | Vụ Tài chính  (Văn bản số  531/TC ngày 07/7/2023) | Không có ý kiến do không liên quan đến lĩnh vực quản lý |  |
| 6 | Vụ Pháp chế  (Văn bản số 466/PC ngày 31/7/2023) | |  |
| 6.1 | Tên Điều 1: đề nghị sửa theo hướng *“… Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019* *của* ***Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*** *quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam****(sau đây gọi là Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT)*** *và Thông tư số 41/2020/TTBGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020* ***của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*** *sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT* ***(sau đây gọi là Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT)****”* | | **Giải trình:**  ***Tiếp thu, sửa như sau:***  *“Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi* *Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.”* |
| 6.2 | Điều 1 khoản 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5): đề nghị làm rõ quy định “… theo quy định về văn bản điện tử” là quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.  Các khoản khác, đề nghị tương tự. | | **Giải trình:**  ***Tiếp thu, sửa như sau (đối với tất cả các nội dung tương tự):***  “...Văn bản đề nghị có giá trị pháp lý (bản điện tử hoặc bản giấy), ...” |
| 6.3 | Điểm b khoản 1 Điều 17: đề nghị xem xét sửa theo hướng *“Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chỉnh* ***để đối chiếu*** *hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính* ***(đối với trường hợp nộp trên môi trường điện tử)****….”* | | **Giải trình:**  ***Tiếp thu, sửa như sau (đối với tất cả các nội dung tương tự):***  “Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp trên môi trường điện tử) có giá trị pháp lý theo quy định tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, ...” |
|  | Điểm đ khoản 1 Điều 17: đề nghị xem xét sửa theo hướng *01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) theo quy định tại điểm d khoản này.*  Tương tự, đề nghị rà soát chỉnh lý quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 dự thảo Thông tư); điểm c khoản 1 Điều 26 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 dự thảo Thông tư). | | **Giải trình:**  ***Tiếp thu, sửa như sau (đối với tất cả các nội dung tương tự):***  “01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử)theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.” |
| 6.4 | Điều 1 khoản 3 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18): qua rà soát cho thấy nội dung này chỉ bổ sung hình thức nộp hồ sơ tại tên khoản 1 Điều 18, không sửa các điểm a, b, c, d, vì vậy đề nghị chỉ đưa vào Thông tư nội dung sửa đổi, bổ sung tên khoản 1 Điều 18. Tương tự, đề nghị rà soát chỉnh lý quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 1 dự thảo Thông tư. | | **Giải trình:**  ***Tiếp thu, sửa như sau (đối với tất cả các nội dung tương tự):***  “1. Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:“ |
| 6.5 | Điểm a khoản 1 Điều 19: đề nghị nghiên cứu quy định rõ đối với trường hợp có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có phải nộp các loại giấy tờ quy định tại điểm này hay không để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi trong quá trình triển khai các thủ tục hành chính vì tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định: *“Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân”*. Tương tự, đề nghị rà soát chỉnh lý đối với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 dự thảo Thông tư). | | **Giải trình:**  ***Tiếp thu, sửa như sau (đối với tất cả các nội dung tương tự):***  “a) Bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao xuất trình tài khoản định danh điện tử mức độ 2 để đối chiếu hoặc nộp bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp trên môi trường điện tử) có giá trị pháp lý theo quy định một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: chứng minh nhân dân, căn cước công dân; chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư lãnh sự, chứng minh thư công vụ, chứng minh thư phổ thông; hộ chiếu; thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn” |
| 6.6 | Điều 1 khoản 12 (sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 7 Điều 41): đề nghị quy định rõ *“dữ liệu có giá trị tương đương giấy tờ nhân thân”* để đảm bảo tính rõ ràng trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời, đề nghị rà soát chỉ đưa vào Thông tư các điểm, khoản sửa đổi, bổ sung (ví dụ: điểm a khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 7), không đưa vào Thông tư các điểm, khoản không sửa đổi, bổ sung (như: điểm b khoản 1; điểm b, c, d, đ, e, g khoản 7). | | **Giải trình:**  ***Tiếp thu, sửa như sau (đối với tất cả các nội dung tương tự):***  “1. Hãng hàng không chỉ được phép chấp nhận vận chuyển và cho hành khách lên tàu bay khi đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Hành khách có thẻ lên tàu bay và giấy tờ về nhân thân (hoặc hành khách xuất trình tài khoản định danh điện tử mức độ 2 hoặc hành khách tự nguyện thực hiện xác thực sinh trắc học) theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này và đã kiểm tra, đối chiếu hành khách với giấy tờ về nhân thân (hoặc dữ liệu trong tài khoản định danh điện tử mức độ 2 hoặc dữ liệu xác thực sinh trắc học của hành khách) và thẻ lên tàu bay để bảo đảm sự trùng khớp của hành khách với giấy tờ (hoặc dữ liệu trong tài khoản định danh điện tử mức độ 2 hoặc dữ liệu xác thực sinh trắc học của hành khách) và chuyến bay.  b) Hành khách, hành lý đã được kiểm tra an ninh hàng không; hành lý ký gửi của từng hành khách phải làm thủ tục chấp nhận riêng, không làm chung cho nhiều người.” |
| 6.7 | Khoản 1 Điều 18 (sửa đổi, bổ dung khoản 2 Điều 108): đề nghị xem xét lại quy định này vì quy định tại văn bản quy phạm pháp luật có tính chất bắt buộc chung phải áp dụng trong toàn quốc, vì vậy việc quy định về thử nghiệm là không phù hợp | | **Giải trình:**  Quy địnhtại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định: *“Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân”.*  Do đó, người thử nghiệm có quyền sử dụng tài khoản VNeID của mình khi cần xuất trình để thay thếw CCCD. |
| 6.8 | Điều 1 khoản 19 (sửa đổi, bổ sung Phụ lục VII): đề nghị chỉnh lý thành thay thế phụ lục để đảm bảo kỹ thuật hợp nhất khi Thông tư được ban hành. Tương tự đề nghị chỉnh lý khoản 21, 22. | | **Giải trình:**  Tiếp thu, đã sửa vào dự thảo Thông tư. |
| 7 | Văn phòng Bộ | |  |
| 7.1 | Đối với thể thức trình bày: Đề nghị đơn vị soạn thảo chuyển quy định chi tiết các biểu mẫu bổ sung, sửa đổi sang phần phụ lục kèm theo Thông tư để đảm bảo thống nhất về thể thức trình bày các thông tư của Bộ | | **Giải trình:**  Tiếp thu, đã sửa vào dự thảo Thông tư. |
| 7.2 | Đề nghị bổ sung tính pháp lý của các văn bản mà Cục đề nghị tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC cần cung cấp đối với bản sao và bản điện tử trong toàn bộ Thông tư. Đối với trường thông tin *“bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính”*, đơn vị soạn thảo có thể cân nhắc rút gọn thành *“bản sao điện tử có giá trị pháp lý”* | | **Giải trình:**  Tiếp thu, đã sửa vào dự thảo Thông tư. |
| 7.3 | Đề nghị cân nhắc sửa nội dung về ảnh màu thành “01 ảnh màu (in giấy hoặc ảnh điện tử) theo quy định **về ảnh màu** tại điểm d khoản 1 Điều này” để dẫn chiếu trực tiếp đến nội dung trích dẫn về khái niệm “ảnh màu” tại thông tư này để thuận lợi cho người dân khi nghiên cứu thực hiện thủ tục | | **Giải trình:**  Tiếp thu, đã sửa vào dự thảo Thông tư. |
| 7.4 | Tại khoản 3, Điều 1 - Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1, **Điều 18**; khoản 6, Điều 1 - Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1, **Điều 21** và khoản 10, Điều 1 - Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1, **Điều 24**: Đề nghị quy định rõ mẫu *“văn bản giải trình của người đề nghị … có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị”* do đây là một biểu mẫu của TTHC. Đơn vị soạn thảo có thể nghiên cứu, xây dựng dự thảo theo 2 phương án:  - Phương án 1: Bổ sung biểu mẫu mới.  - Phương án 2: Bổ sung phần chú thích giải trình về “thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ” tại mục “Nội dung giải trình” tại phụ lục VI của Thông tư. Đồng thời bỏ quy định “văn bản giải trình của người đề nghị … có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị” tại dự thảo | | **Giải trình:**  Tiếp thu theo Phương án 2 như sau:  - Bổ sung phần chú thích giải trình về “thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ” tại mục “Nội dung giải trình” tại phụ lục VI của Thông tư;  - Tuy nhiên, đề nghị giữ lại nội dung “…có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.” tại các điểm c khoản 1 Điều 18, 21, 24 để gắn trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị cấp thẻ, chánh trường hợp người ký công văn khong phải thủ trưởng cơ quan, đơn vị. |
| 7.5 | Tại khoản 4, Điều 1 – Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1, Điều 19 và khoản 10, Điều 1 – Sửa đổi bổ sung điểm a, khoản 1, Điều 25: Đề nghị bổ sung mẫu văn bản đề nghị do đây là một mẫu đơn, biểu mẫu cần công bố của TTHC | | **Giải trình:**  Đề nghị giữ nguyên quy định vì:  - Trên thực tế, nhiều cơ quan, đơn vị, nhất là 04 văn phòng chuyên phục vụ chuyên cơ thường dùng mẫu giấy giới thiệu riêng khi đề nghị cấp thẻ ngắn hạn. Nếu Bộ GTVT quy định mẫu văn bản, ngược lại sẽ phiền hà hơn là việc dùng mẫu vốn có của các cơ quan, đơn vị này;  - Quy đinh hiện hành đã nêu yêu cầu của văn bản đề nghị (có có các thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục cấp thẻ). |
| 7.6 | Tại khoản 11, Điều 1 – Sửa đổi bổ sung điểm b, khoản 1, Điều 26: Đề nghị bổ sung mẫu danh sách theo Phụ lục VII của Thông tư hoặc bổ sung phụ lục khác cho phù hợp với quy định tại Thông tư hiện hành | | **Giải trình:**  Tiếp thu, sửa như sau:  “Danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này (bản điện tử hoặc bản giấy).“ |
| 7.7 | Tại khoản 15, Điều 1 – Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 4, Điều 98: Đề nghị bỏ quy định “nộp bằng hình thức khác” vì đã quy định đủ các hình thức nộp bản sao là bản giấy hoặc bản điện tử | | **Giải trình:**  Tiếp thu, đã sửa vào dự thảo Thông tư. |
| 7.8 | Đối với Phụ lục VIII: Dự thảo Thông tư đã tiếp thu việc sửa các nội dung về đồng bộ giấy tờ công dân, tuy nhiên để thuận tiện cho người dân trong quá trình điền thông tin, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa, bổ sung một số nội dung sau:  - Nhóm các trường thông tin dành cho người nước ngoài trong một phạm vi (các số liền nhau) và đánh dấu hướng dẫn người kê khai ngay tại phần ghi chú bên dưới *(tương tự mục Số…..1)* để thuận tiện cho người Việt Nam khi khai đơn *(nội dung này đã được quy định ở ghi chú cuối phụ lục tuy nhiên vẫn gây khó khăn cho người điền thông tin trong quá trình khai).*  - Về trường dữ liệu số 11: Đề nghị tách trường CMTND và CCCD thành 2 trường thông tin, cụ thể:  “11. Thẻ Căn cước công dân: ……………………………  12. Số CMTND(Nếu không có CCCD) …, ngày cấp … Nơi cấp…*”* | | **Giải trình:**  Tiếp thu, đã sửa vào dự thảo Thông tư. |
| 8 | Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP  (Văn bản số 2521/TCTCHKVN-PC ký ngày 19/6/2023, phát hành ngày 28/6/2023) | |  |
| 8.1 | Đề nghị bỏ một số loại giấy tở đi tàu bay | | **Giải trình:**  Về giảm danh mục giấy tờ đi tàu bay, cơ quan soạn thảo đề nghị được tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và đề xuất sửa sau khi đã nghiên cứu, đánh giá thấu đáo, đề xuất nội dung sửa cụ thể ở lần sửa sau (tương tự mục 3.6 – ý kiến Thanh tra Bộ). |
| 8.2 | Đề nghị bổ sung “Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư” ban hành kèm theo Thông tư số 59/2021/TT-BCA có dán ảnh chân dung rõ nét, ảnh đóng dấu giáp lai, … | | **Giải trình:**  Mẫu “Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư” đã được Bộ Công an ban hành trong Thông tư, do đó, Bộ GTVT không sửa Thông tư của Bộ Công an.  Mặt khác, Cục HKVN đã trao đổi, đề nghị Cục Cảnh sát QLHC về TTXH lưu ý đề xuất sửa mẫu này khi Bộ CA sửa Thông tư số 59. |
| 8.3 | Đề nghị tại điểm a mục 3 phần 1 Phụ lục số XIV, sửa số tuổi được dùng giấy chứng sinh từ 1 tháng tuổi thành 02 tháng tuổi theo quy định tại Luật Hộ tịch. | | **Giải trình:**  Tiếp thu đã sửa vào dự thảo Thông tư. |
| 8.4 | Đề nghị tại mục 5 phần 1 Phụ lục số 14, nội dung bổ sung về tại khoản VNeID như sau: “Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của cá nhân khi xuất trình bằng ứng dụng VNeID phải đảm bảo hoạt động bình thường, hiển thị thông tin rõ nét, đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.” | | **Giải trình:**  Tiếp thu đã sửa vào dự thảo Thông tư. |